

Số: **371**/QĐ-VKSTC

Hà Nội, ngày **15** tháng **10** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự

VIỆN TRƯỞNG VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Căn cứ Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *BVD*

Nơi nhận:

- Lãnh đạo VKSND tối cao;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, Vụ 9.



Nguyễn Duy Giảng

QUY ĐỊNH

Về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 371/QĐ-VKSTC ngày 15 tháng 10 năm 2020
của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động (sau đây viết tắt là vụ án dân sự), gồm các giai đoạn trước, trong và sau phiên tòa, kể từ khi Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa đến khi kết thúc kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao.
2. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên cao cấp được phân công tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự (gọi chung là Kiểm sát viên).
3. Kiểm sát viên, Kiểm tra viên, công chức được phân công nghiên cứu hồ sơ vụ án giám đốc thẩm, tái thẩm, giúp việc cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa (gọi chung là người nghiên cứu hồ sơ).

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự và quy định pháp luật khác có liên quan; các quy định, hướng dẫn của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
2. Bảo đảm tuân thủ quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, bí mật công tác trong ngành Kiểm sát nhân dân.

Điều 4. Phân công, thay đổi Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ vụ án

Việc phân công, thay đổi Kiểm sát viên, người nghiên cứu hồ sơ vụ án ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm thực hiện theo Điều 4 Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự sơ thẩm (ban hành kèm theo Quyết định số 458/QĐ-VKSTC ngày 04/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) (sau đây gọi tắt là Quy định số 458/2019). Đồng thời, chú ý những nội dung sau:

1. Viện trưởng Viện kiểm sát phân công Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ vụ án để tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm và có thể phân công người nghiên cứu hồ sơ giúp việc cho Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

2. Phân công Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Phân công Kiểm sát viên cao cấp của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao.

3. Trường hợp Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao không thể tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và trường hợp Kiểm sát viên cao cấp Viện kiểm sát nhân dân cấp cao không thể tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao và không có Kiểm sát viên dự khuyết được phân công tham gia ngay từ đầu thì Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa phải báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát cùng cấp thay đổi Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Chương II

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TRƯỚC KHI THAM GIA PHIÊN TÒA XÉT XỬ GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Điều 5. Các hoạt động của Kiểm sát viên trước phiên tòa

1. Nghiên cứu hồ sơ; báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án;
2. Lập hồ sơ kiểm sát;
3. Dự kiến diễn biến phiên tòa;

4. Dự kiến câu hỏi tại phiên tòa;
5. Dự thảo văn bản phát biểu;
6. Chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 6. Nghiên cứu hồ sơ vụ án

1. Việc nghiên cứu hồ sơ tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 43 Quy chế công tác kiểm sát giải quyết các vụ việc dân sự (ban hành kèm theo Quyết định số 364/QĐ-VKSTC ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) (sau đây gọi tắt là Quy chế số 364/2017); Điều 7 Quy định số 458/2019 và Điều 7 Quy định về hướng dẫn hoạt động của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa dân sự phúc thẩm (ban hành kèm theo Quyết định số 363/QĐ-VKSTC ngày 12/10/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao) (sau đây gọi tắt là Quy định số 363/2020).

2. Kiểm sát viên nghiên cứu các loại hồ sơ sau:

a) Nghiên cứu hồ sơ kiểm sát trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị;

b) Nghiên cứu hồ sơ vụ án trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đưa vụ án ra xét xử tại Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm Tòa án nhân dân cấp cao;

c) Nghiên cứu hồ sơ vụ án trong trường hợp Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị.

3. Nghiên cứu đơn đề nghị của đương sự, thông báo phát hiện vi phạm trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân: Kiểm sát viên kiểm tra thời hạn gửi đơn theo quy định tại Điều 327 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS); nghiên cứu nội dung đơn đề nghị theo quy định tại Điều 328 BLTTDS, nghiên cứu thông báo phát hiện vi phạm để xác định yêu cầu đề nghị kháng nghị (pháp luật nội dung hoặc pháp luật tố tụng).

4. Nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xác minh, thu thập trong hồ sơ vụ án; các tài liệu, chứng cứ gửi kèm theo đơn đề nghị, thông báo phát hiện vi phạm; các tài liệu, chứng cứ được thu thập, xác minh bổ sung ở giai đoạn giám đốc thẩm theo quy định tại Điều 330 BLTTDS. Đối với kháng nghị tái thẩm phải chú ý kiểm tra những tài liệu, chứng cứ được coi là tình tiết mới được phát hiện, những tình

tiết mới này có thể làm thay đổi cơ bản nội dung bản án, quyết định mà Tòa án, các đương sự không biết được khi Tòa án ban hành bản án, quyết định đó theo quy định tại Điều 351 BLTTDS.

5. Kiểm sát việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án sơ thẩm đến khi có quyết định kháng nghị.

6. Nghiên cứu quyết định kháng nghị:

a) Về hình thức: Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm thực hiện theo Mẫu số 31/DS, Quyết định kháng nghị tái thẩm thực hiện theo Mẫu số 33/DS, được ban hành kèm theo Quyết định số 204/QĐ-VKSTC ngày 01/6/2017 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc ban hành mẫu văn bản tố tụng, nghiệp vụ tạm thời trong lĩnh vực kiểm sát hoạt động tư pháp (sau đây gọi tắt là Quyết định số 204/2017).

Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được thực hiện theo Mẫu số 88-DS, Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao được thực hiện theo Mẫu số 89-DS, được ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13/01/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc ban hành một số biểu mẫu trong tố tụng dân sự (Nghị quyết số 01/2017).

b) Về nội dung: Người nghiên cứu hồ sơ vụ án nghiên cứu từng vấn đề cụ thể mà đương sự đề nghị, thông báo phát hiện vi phạm đề cập; các tài liệu, chứng cứ mà người có thẩm quyền sử dụng làm căn cứ khi quyết định kháng nghị (về thủ tục tố tụng, về áp dụng pháp luật).

Căn cứ, điều kiện kháng nghị phải bảo đảm đúng quy định tại Điều 326 và Điều 352 BLTTDS. Trường hợp xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba thì không cần phải có đơn đề nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 326 BLTTDS.

Thời hạn kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được quy định tại Điều 334, Điều 355 BLTTDS. Lưu ý trường hợp đã hết thời hạn 03 năm nhưng có các điều kiện theo quy định tại các điểm a và b khoản 2 Điều 334 BLTTDS thì thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị.

Thẩm quyền kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm bảo đảm quy định tại Điều 331, Điều 354 BLTTDS.

Quyết định kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm phải nêu rõ căn cứ, điều kiện và bảo đảm đầy đủ nội dung theo quy định tại các điều 326, 333 và 352 BLTTDS. Quyết định kháng nghị ngoài phần nêu căn cứ pháp luật, quan hệ tranh chấp, tên đương sự phải có kết cấu gồm ba phần:

Phần nhận thấy: Ghi đầy đủ tên; phần quyết định của bản án, quyết định của Tòa án bị kháng nghị; căn cứ để kháng nghị.

Phần xét thấy: Phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, những vi phạm của bản án, quyết định để kháng nghị phải phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Phần Quyết định: Ghi rõ kháng nghị một phần hay toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật; đề nghị theo một trong các quy định tại các khoản 2, 3, 4 hoặc 5 Điều 343; khoản 2 và 3 Điều 356 BLTTDS; tên của Tòa án có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án; việc thực hiện thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định bị kháng nghị của người đã ra quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm sát việc gửi quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 336 và Điều 357 BLTTDS.

8. Kiểm sát thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 339 và Điều 357 BLTTDS.

9. Thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 335 và Điều 357 BLTTDS.

10. Việc gửi quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 336, Điều 357 BLTTDS và Điều 17 Thông tư liên tịch số 02/2016/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 31/8/2016 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc quy định việc phối hợp giữa Viện kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân trong việc thi hành một số quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 02/2016).

Điều 7. Nghiên cứu hồ sơ trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị

Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ trong trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị để tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy định này. Đồng thời chú ý những nội dung sau:

1. Đối với hồ sơ do Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền đã quyết định kháng nghị.

a) Thời hạn nghiên cứu hồ sơ: Từ khi Kiểm sát viên được phân công tham gia phiên tòa đến khi có lịch xét xử của Tòa án có thẩm quyền. Do đó, Kiểm sát viên chủ động nghiên cứu hồ sơ để tham gia phiên tòa.

b) Nội dung: Trên cơ sở hồ sơ kiểm sát, Kiểm sát viên đọc hồ sơ, kiểm tra tài liệu, chứng cứ đã sử dụng làm căn cứ khi quyết định kháng nghị để bảo vệ quan điểm kháng nghị. Trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không trực tiếp nghiên cứu hồ sơ mà thấy căn cứ kháng nghị chưa vững chắc thì Kiểm sát viên có thể yêu cầu người nghiên cứu hồ sơ vụ án báo cáo lại những vấn đề chưa rõ. Trường hợp cần thiết, báo cáo đề xuất Viện trưởng Viện kiểm sát xem xét, quyết định, xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ bảo vệ kháng nghị hoặc đề xuất thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

2. Đối với hồ sơ vụ án do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đưa ra xét xử tại Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm Tòa án nhân dân cấp cao:

a) Thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án: 15 ngày (hồ sơ do Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm chuyển cho Viện kiểm sát) theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 02/2016.

b) Nội dung: Trên cơ sở tài liệu, chứng cứ đã được sử dụng làm căn cứ quyết định kháng nghị nếu phát hiện tài liệu, chứng cứ, căn cứ khác dẫn đến phải thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị thì trước khi mở phiên tòa, Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được phân công tham gia phiên tòa phải báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao bằng văn bản, để Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng (điểm a khoản 3 Điều 49 Quy chế số 364/2017).

3. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án.

Người nghiên cứu hồ sơ xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án với người có thẩm quyền, đề xuất quan điểm giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 44 Quy chế số 364/2017.

Người nghiên cứu hồ sơ xây dựng báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án phải phản ánh đầy đủ, trung thực, khách quan nội dung vụ án. Báo cáo được lập theo Mẫu số 30/DS Quyết định số 204/2017 và được lưu vào hồ sơ kiểm sát. Người nghiên cứu hồ sơ vụ án phải ký, ghi rõ họ tên vào cuối báo cáo.

Điều 8. Nghiên cứu hồ sơ vụ án trong trường hợp Chánh án Tòa án kháng nghị

Kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ vụ án trong trường hợp Chánh án Tòa án có thẩm quyền kháng nghị để tham gia phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm theo Điều 6 của Quy định này. Đồng thời, cần chú ý những nội dung sau:

1. Thời hạn nghiên cứu hồ sơ vụ án là 15 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 336, Điều 357 BLTTDS.

2. Nghiên cứu căn cứ, điều kiện kháng nghị.

3. Báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ vụ án thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy định này. Nội dung báo cáo ngoài phần mở đầu, phải thể hiện rõ các nội dung sau:

a) Thể hiện rõ phần nội dung đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; thông báo đề nghị giải quyết vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; tài liệu, chứng cứ do người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có) xuất trình;

b) Nội dung các quyết định giải quyết vụ án của Tòa án ở từng giai đoạn tố tụng;

c) Tài liệu, chứng cứ do Tòa án hoặc Viện kiểm sát xác minh, thu thập trong giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm;

d) Nhận xét, đánh giá, ý kiến đề xuất của người nghiên cứu đối với vụ án về tố tụng, nội dung, đường lối giải quyết vụ án: Chấp nhận kháng nghị; chấp

nhận một phần kháng nghị; không chấp nhận kháng nghị.

đ) Ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Vụ (Viện nghiệp vụ), Lãnh đạo Viện kiểm sát.

4. Kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm của Chánh án Tòa án:

a) Kiểm sát về thẩm quyền, hình thức, nội dung, căn cứ quyết định thay đổi, bổ sung kháng nghị nếu chưa hết thời hạn kháng nghị theo quy định tại các điều 334, 335, 357 BLTTDS.

b) Kiểm sát về thẩm quyền, hình thức, nội dung, căn cứ quyết định rút một phần hoặc toàn bộ kháng nghị trước khi mở phiên tòa giám đốc thẩm hoặc tái thẩm theo quy định tại các điều 334, 335 và 357 BLTTDS. Việc rút quyết định kháng nghị phải được thực hiện bằng quyết định.

5. Kiểm sát việc gửi quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị trước khi mở phiên tòa Tòa án bảo đảm thực hiện đúng quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 336, Điều 357 BLTTDS.

Điều 9. Lập hồ sơ kiểm sát

Việc lập hồ sơ kiểm sát ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 42 Quy chế số 364/2017 và theo hướng dẫn về lập hồ sơ kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

1. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm kháng nghị: Hồ sơ kiểm sát đã được lập khi có quyết định kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; sau khi ban hành kháng nghị nếu có thêm tài liệu, chứng cứ thì bổ sung vào hồ sơ để làm căn cứ bảo vệ kháng nghị hoặc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

2. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đưa vụ án ra xét xử tại Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm Tòa án nhân dân cấp cao và trường hợp Chánh án Tòa án nhân dân có thẩm quyền kháng nghị hồ sơ kiểm sát được lập gồm các nội dung:

a) Hồ sơ kiểm sát phải trích cứ đầy đủ, trung thực lời trình bày của đương sự, sao chụp đầy đủ tài liệu, chứng cứ và thể hiện rõ nguồn của tài liệu, chứng cứ được thu thập ở các giai đoạn tố tụng;

b) Hồ sơ phải có đơn, thông báo, kiến nghị đề nghị xem xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân;

c) Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân hoặc Chánh án Tòa án nhân dân;

d) Tài liệu chứng cứ do Tòa án, Viện kiểm sát xác minh, thu thập, do đương sự giao nộp cho Tòa án ở giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm;

đ) Hồ sơ kiểm sát thể hiện báo cáo kết quả nghiên cứu hồ sơ của người nghiên cứu hồ sơ, quan điểm của Lãnh đạo Vụ (Viện nghiệp vụ) về vụ án, ý kiến chỉ đạo, đường lối giải quyết vụ án của Lãnh đạo Viện;

e) Tài liệu có trong hồ sơ phải được sắp xếp thứ tự theo đúng các tiêu mục trên bìa hồ sơ, được đánh số bút lục từ 1 đến số cuối cùng;

g) Người lập hồ sơ phải ký tên vào phần cuối của mục lục tài liệu. Hồ sơ kiểm sát phải được quản lý chặt chẽ theo đúng quy định của Nhà nước, của ngành Kiểm sát về quản lý, lưu trữ tài liệu.

Điều 10. Dự kiến diễn biến phiên tòa; dự kiến câu hỏi tại phiên tòa

1. Trước khi tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên phải dự kiến diễn biến phiên tòa trên cơ sở nội dung đơn đề nghị của đương sự, thông báo phát hiện vi phạm đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm hoặc tái thẩm của cơ quan, tổ chức, cá nhân; nội dung kháng nghị và tài liệu trong hồ sơ vụ án; những tình huống có thể phát sinh tại phiên tòa như: Xuất hiện chứng cứ mới, đương sự thỏa thuận tại phiên tòa (trong trường hợp họ được triệu tập tham dự phiên tòa). Để chủ động xử lý tình huống tại phiên tòa, Kiểm sát viên phải nắm chắc các nội dung, căn cứ của quyết định kháng nghị để bảo vệ quan điểm kháng nghị của Viện kiểm sát hoặc kết luận đối với kháng nghị của Chánh án Tòa án tại phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

2. Kiểm sát viên dự kiến câu hỏi để làm sáng tỏ những vấn đề còn chưa rõ, còn mâu thuẫn giữa các tài liệu, chứng cứ để có quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát trong trường hợp đương sự được Tòa án triệu tập.

Điều 11. Xây dựng dự thảo văn bản phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm

Kiểm sát viên duyệt dự thảo văn bản phát biểu tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm do người nghiên cứu hồ sơ vụ án xây dựng, báo cáo.

1. Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị: Văn bản dự thảo phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát được thực hiện theo Mẫu số 39/DS Quyết định số 204/2017. Bản dự thảo văn bản phát biểu kết cấu gồm hai phần:

a) Về tố tụng: Nhận xét về thành phần Hội đồng xét xử (HĐXX), nhận xét thủ tục xét xử tại phiên tòa.

b) Về nội dung: Dự thảo văn bản phát biểu phải nêu và phân tích được các vấn đề quy định tại khoản 1 Điều 31 Thông tư liên tịch số 02/2016.

Nội dung của Dự thảo văn bản phát biểu phải nêu được kháng nghị đối với bản án, quyết định nào; kháng nghị đối với toàn bộ hay một phần của bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật; nội dung quyết định của bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị; những nhận xét, phân tích về vi phạm của bản án, quyết định bị kháng nghị; phân tích, đánh giá chứng cứ xác minh, thu thập được trong giai đoạn giám đốc thẩm, tái thẩm (nếu có), so sánh với những tài liệu chứng cứ đã được thu thập ở cấp sơ thẩm, phúc thẩm (trong trường hợp có mâu thuẫn), nêu căn cứ pháp luật để kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; đề nghị của người kháng nghị.

2. Trường hợp Chánh án Tòa án kháng nghị: Bản dự thảo phát biểu thể hiện ý kiến của Viện kiểm sát đối với kháng nghị của Chánh án Tòa án được thực hiện theo Mẫu số 40/DS Quyết định số 204/2017. Bản dự thảo phát biểu kết cấu gồm hai phần:

a) Về tố tụng: Nhận xét về thành phần Hội đồng xét xử, thủ tục xét xử tại phiên tòa; nhận xét, đánh giá về hình thức và tính hợp pháp của kháng nghị về căn cứ, thẩm quyền, thời hạn kháng nghị;

b) Về nội dung: Dự thảo văn bản phát biểu phải nêu và phân tích được các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư liên tịch số 02/2016.

Điều 12. Chuyển trả hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm

Trong trường hợp Chánh án Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm sát có thẩm quyền kháng nghị thì Viện kiểm sát chuyển trả hồ sơ cho Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 336 BLTTDS và khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số 02/2016. Phương thức chuyển trả hồ sơ được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 02/2016.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN TẠI PHIÊN TÒA XÉT XỬ GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Điều 13. Các hoạt động của Kiểm sát viên tại phiên tòa

1. Theo dõi và ghi chép diễn biến tại phiên tòa; kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự; thời hạn mở phiên tòa;
2. Trình bày kháng nghị của Viện kiểm sát trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị;
3. Kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị (nếu có);
4. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án tại phiên tòa;
5. Kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

Điều 14. Theo dõi và ghi chép diễn biến tại phiên tòa; kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự

1. Việc theo dõi và ghi chép diễn biến tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm thực hiện theo khoản 1 Điều 25 Quy định số 458/2019.
2. Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự:
 - a) Kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện như tại phiên tòa phúc thẩm và theo quy định tại Điều 50 Quy chế số 364/2017.
 - b) Kiểm sát thời hạn mở phiên tòa theo quy định tại các điều 339 và 357 BLTTDS. Theo BLTTDS, không có quy định về gia hạn thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm.
 - c) Tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự (nếu có).
 - d) Kiểm sát thành phần Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án dân sự theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 337, Điều 357 BLTTDS, Kiểm sát viên xem xét thành phần Ủy ban Thẩm phán của Tòa án nhân dân

cấp cao gồm 03 Thẩm phán hay toàn thể và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm 05 Thẩm phán hay toàn thể; kiểm sát người tiến hành tố tụng có thuộc những trường hợp phải từ chối hoặc bị thay đổi theo quy định tại các điều 52, 53 và 54 BLTTDS.

đ) Kiểm sát việc thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng tại phiên tòa và phạm vi giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại các điều 341, 342 và 357 BLTTDS.

e) Kiểm sát việc cung cấp, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa. Trường hợp tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, đương sự được Tòa án triệu tập cung cấp tài liệu, chứng cứ, nếu tài liệu, chứng cứ đó đã được Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu đương sự giao nộp, nhưng đương sự không giao nộp được vì lý do chính đáng hoặc tài liệu, chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không yêu cầu giao nộp và đương sự cũng không biết được trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và phúc thẩm, thì được Hội đồng giám đốc, tái thẩm xem xét, quyết định việc chấp nhận.

g) Kiểm sát việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị: Trường hợp tại phiên tòa có tài liệu, chứng cứ phải thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị, Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để ban hành quyết định thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị. Kiểm sát viên trên cơ sở tài liệu, chứng cứ, diễn biến tại phiên tòa để xác định việc Tòa án thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị của Tòa án có phù hợp, đúng pháp luật (tổng hợp đề đề xuất báo cáo lãnh đạo Viện nếu việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị không có căn cứ).

Điều 15. Trình bày kháng nghị; Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án tại phiên tòa

1. Trình bày kháng nghị:

a) Một thành viên Hội đồng xét xử trình bày nội dung kháng nghị của Chánh án Tòa án trong trường hợp Tòa án kháng nghị;

b) Kiểm sát viên trình bày nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát trong trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị.

2. Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm:

a) Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo khoản 1 Điều 31 Thông tư liên tịch số 02/2016 và Điều 51 Quy chế số 364/2017 đối với trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị.

b) Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm đối với trường hợp Chánh án Tòa án kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Thông tư liên tịch số 02/2016 và Điều 51 Quy chế số 364/2017.

b1) Nếu kháng nghị của Chánh án Tòa án có căn cứ, Kiểm sát viên căn cứ khoản 2, 3 và 4 Điều 343 và các điều 344, 345, 346 và 347 BLTTDS phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng nhất trí kháng nghị;

b2) Nếu kháng nghị của Chánh án Tòa án không có căn cứ thì Kiểm sát viên căn cứ khoản 1 Điều 343 BLTTDS phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật;

b3) Nếu Chánh án Tòa án có quyết định rút một phần hoặc toàn bộ quyết định kháng nghị thì Kiểm sát viên căn cứ vào quy định của pháp luật, nội dung rút một phần hoặc toàn bộ quyết định kháng nghị để phát biểu.

Điều 16. Thực hiện thẩm quyền rút kháng nghị của Viện kiểm sát và kiểm sát việc rút kháng nghị của Chánh án Tòa án

1. Viện kiểm sát rút kháng nghị:

Việc rút kháng nghị tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo quy định tại Điều 49 Quy chế số 364/2017; trường hợp phát sinh tài liệu, tình tiết mới có thể dẫn tới việc rút kháng nghị thì Kiểm sát viên xử lý như quy định tại khoản 3 Điều 49 Quy chế số 364/2017.

Nếu có tài liệu, chứng cứ hoặc căn cứ khác làm thay đổi kháng nghị của Viện kiểm sát thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát xem xét, quyết định việc thay đổi, bổ sung hoặc rút kháng nghị; nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên tòa và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật. Sau phiên tòa, Kiểm sát viên phải báo cáo ngay Viện trưởng Viện kiểm sát.

Trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị đưa vụ án ra xét xử tại Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm Tòa án nhân dân cấp cao, nếu phát hiện tài liệu, chứng cứ khác dẫn đến phải thay đổi, bổ

sung, rút kháng nghị thì Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao được phân công tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để báo cáo lãnh đạo Viện kiểm sát có thẩm quyền. Nếu Hội đồng xét xử không chấp nhận và vẫn tiến hành xét xử thì Kiểm sát viên tiếp tục tham gia phiên tòa và thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; nhưng sau phiên tòa phải báo cáo ngay Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị.

2. Kiểm sát việc rút kháng nghị của Chánh án Tòa án

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm trường hợp Chánh án Tòa án rút kháng nghị, Kiểm sát viên trình bày ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp của việc rút kháng nghị của Chánh án Tòa án.

Điều 17. Kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm

Khi tham gia phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm, Kiểm sát viên căn cứ quy định tại các điều 343, 344, 345, 346, 347 và 356 BLTTDS để kiểm sát thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm.

1. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, kiểm sát việc thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử giám đốc thẩm được quy định tại Điều 343 BLTTDS:

a) Hội đồng xét xử giám đốc thẩm quyết định giao xét xử phúc thẩm lại thì chỉ tuyên bố hủy một phần hay toàn bộ bản án, quyết định phúc thẩm bị kháng nghị; nếu giao xét xử sơ thẩm lại thì phải hủy cả bản án, quyết định phúc thẩm bị kháng nghị và cả bản án, quyết định sơ thẩm. Đồng thời, cần tuyên rõ tên Tòa án được giao xét xử sơ thẩm hay phúc thẩm lại.

c) Trường hợp hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án được quy định cụ thể tại Điều 346 BLTTDS;

d) Đối với những trường hợp Hội đồng xét xử giám đốc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định của Tòa án cấp dưới đã bị hủy hoặc sửa; hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ vụ án; sửa một phần hoặc toàn bộ bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, nếu bản án, quyết định đó đã được thi hành thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phải giải quyết hậu quả của việc thi hành án.

2. Kiểm sát việc thực hiện thẩm quyền của Hội đồng xét xử tái thẩm
 - a) Thẩm quyền của Hội đồng xét xử tái thẩm được quy định tại Điều 356 BLTTDS.
 - b) Kiểm sát viên tham gia phiên tòa kiểm sát thẩm quyền của HĐXX tái thẩm có đúng theo quy định tại Điều 356 BLTTDS. Hội đồng xét xử tái thẩm không được sửa bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Chương IV

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM SÁT VIÊN SAU PHIÊN TÒA XÉT XỬ GIÁM ĐỐC THẨM, TÁI THẨM VỤ ÁN DÂN SỰ

Điều 18. Các hoạt động của Kiểm sát viên sau phiên tòa

1. Gửi văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, báo cáo kết quả xét xử;
2. Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;
3. Kiểm sát việc giải thích, sửa chữa quyết định; gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;
4. Hoàn thiện, lưu hồ sơ kiểm sát.

Điều 19. Gửi văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên, báo cáo kết quả xét xử

1. Kiểm sát viên gửi văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại khoản 3 Điều 341 BLTTDS, ngay sau khi kết thúc phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án. Văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm theo Mẫu số 39 Quyết định số 204/2017 (trường hợp Viện trưởng Viện kiểm sát kháng nghị), Mẫu số 40 Quyết định số 204/2017 (trường hợp Chánh án Tòa án kháng nghị).

2. Kiểm sát viên phải báo cáo ngay kết quả xét xử vụ án theo quy định tại Điều 52 Quy chế số 364/2017. Đề xuất, báo cáo Lãnh đạo đơn vị, báo cáo Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong trường hợp phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng hoặc phát hiện quyết định của Hội đồng giám đốc thẩm, tái thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao có vi phạm pháp luật cần tiếp tục kháng nghị giám đốc thẩm.

Trường hợp phát hiện quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc phát hiện tình tiết quan trọng mới có thể làm thay đổi cơ bản nội dung quyết định của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân

dân tối cao mà Tòa án và đương sự đã không thể biết được khi ra quyết định đó thì Kiểm sát viên báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kiến nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại quyết định đó theo thủ tục đặc biệt. Thông báo bằng văn bản kết quả xét xử cho Viện kiểm sát địa phương nơi Tòa án đã ra bản án, quyết định bị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm biết.

3. Tập hợp vi phạm pháp luật của Tòa án nhân dân và các cơ quan liên quan trong quá trình giải quyết vụ án dân sự để báo cáo Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân và các cơ quan liên quan kịp thời khắc phục vi phạm và có biện pháp phòng ngừa.

Trường hợp phát hiện vụ việc có dấu hiệu tội phạm thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao thì phải thông báo cho Cơ quan điều tra Viện kiểm sát nhân dân tối cao xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm

Kiểm sát viên kiểm sát quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 Quy định về quy trình, kỹ năng kiểm sát bản án, quyết định giải quyết vụ án dân sự của Tòa án (ban hành kèm theo Quyết định số 399/QĐ-VKSTC ngày 06/9/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

Điều 21. Kiểm sát việc giải thích, sửa chữa quyết định; kiểm sát việc gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm

1. Kiểm sát viên kiểm sát việc giải thích, sửa chữa quyết định của Tòa án phải căn cứ vào biên bản phiên tòa, biên bản nghị án. Việc giải thích, sửa chữa quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 268 và Điều 486 BLTTDS.

2. Kiểm sát việc gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm được thực hiện theo Điều 350 và Điều 357 BLTTDS.

Trường hợp Hội đồng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm không gửi cho Viện kiểm sát theo đúng quy định thì Viện kiểm sát thực hiện quyền kiến nghị việc chậm gửi quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm vụ án đó đối với Hội đồng xét xử hoặc tổng hợp vi phạm để ban hành kiến nghị chung.

Điều 22. Hoàn thiện, lưu hồ sơ kiểm sát

Khi hoàn thành kiểm sát Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thực hiện lưu hồ sơ kiểm sát theo quy định tại Điều 35 Quy định số 363/2020.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành.

Những nội dung đã được quy định tại Quy chế số 364/2017 và được quy định cụ thể và chi tiết hơn tại Quy định này thì thực hiện theo Quy định này.

Những nội dung đã được quy định tại Quy chế số 364/2017 mà không có trong Quy định này thì thực hiện theo Quy chế số 364/2017.

Điều 24. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quy định này.

2. Vụ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình (Vụ 9); Vụ kiểm sát việc giải quyết vụ án hành chính, vụ việc kinh doanh thương mại, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật (Vụ 10) có trách nhiệm tham mưu, giúp Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này trong toàn ngành Kiểm sát.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh vướng mắc hoặc những vấn đề mới cần sửa đổi, bổ sung thì các đơn vị liên quan thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao báo cáo Viện kiểm sát nhân dân tối cao (thông qua Vụ 9) để hướng dẫn, đề xuất sửa đổi, bổ sung kịp thời.

Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao quyết định./.

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Duy Giảng

KN TQ